

Bản án số 167/2022/DS-PT

Ngày 14/6/2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;
Ông Phạm Việt Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đào Trọng Thuyết, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2021, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, do có kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4876/2022/QĐPT-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Đinh Thị T, sinh năm 1933; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Đặng Thị S, sinh năm 1973; có mặt.

1.2. Bà Hà Thị Th, sinh năm 1961; có mặt.

Cùng địa chỉ: Khu 3, xã Quảng Y, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Ông Đinh Văn Đ, sinh năm 1950; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phan Thị Lan V, sinh năm 1952; có mặt.

Cùng địa chỉ: Khu 3, xã Quảng Y, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phan Thị Lan V, sinh năm 1952; địa chỉ: Khu 3, xã Quảng Y, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

3.2. Anh Đinh Văn Nh, sinh năm 1976; địa chỉ: khu Gò B1, xã Quảng Y, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

3.3. Chị Đinh Thị Th1, sinh năm 1978; vắng mặt.

3.4. Anh Đinh Xuân C, sinh năm 1991; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: khu Đồng B1, xã Quảng Y, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ.

3.5. Chị Đinh Thị Ch, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 7, phường Tân H, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nh, chị Th1, anh C, chị Ch: Bà Phan Thị Lan V, sinh năm 1952; địa chỉ: Khu 3, xã Quảng Y, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

3.6. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Xuân H1, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức V1, chức vụ: Chánh Thanh tra huyện; có mặt.

3.7. Anh Lâm Văn X, sinh năm 1983; địa chỉ: khu Quảng D, xã Quảng Y, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

3.8. Anh Lâm Kim Đ1, sinh năm 1985; địa chỉ: kho Gò Bằng, xã Quảng Y, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh X, anh Đ1: Bà Hà Thị Th, sinh năm 1961; địa chỉ: khu 3, xã Quảng Y, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo khởi kiện của cụ Đinh Thị T (bà Đặng Thị S người đại diện) trình bày và yêu cầu:

Năm 1991, gia đình cụ Đinh Xuân Q1 (bố đẻ bà Đinh Thị S) có lên núi ở khu 3 xã Quảng Nạp (nay là xã Quảng Y), huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ khai phá rừng và trồng cây cùng một số người như gia đình ông Đinh Văn Đ, ông Dũng, ông Mễ, ông Thảo, ông Tất, ông Lĩnh, ông Chương. Hai gia đình đã đi khai phá và trồng cây bạch đàn cùng một số loại cây khác từ khi khai phá đến nay, quá trình sử dụng không xảy ra tranh chấp với ai. Năm 1994, có chủ trương giao đất rừng cho dân, đại diện UBND xã là ông Nguyễn Xuân Thắng (đã chết), ông Lâm Văn Lĩnh (đại diện khu dân cư khu 3 xã Quảng Nạp) vào đo đạc và giao từng thửa đất cho những người dân đã khai hoang canh tác trên đất để trồng rừng, cụ Q1 và cụ T được giao 0,2ha, bà Th được giao 0,3ha, ông Đ được giao 0,6ha. Khi đó Trưởng khu - Bí thư Chi bộ là ông Nguyễn Văn Đ2 (địa chỉ: khu 3, xã Quảng Nạp nay là xã Quảng Y) ghi lại sổ sách về diện tích đất, số cây trồng được giao cho

từng hộ gia đình, cụ Q1 và cụ T không giữ giấy tờ gì. Diện tích đất núi được ghi chép trong sổ tay của ông Nguyễn Văn Đ2. Từ đó đến nay cụ Q1 và cụ T không phải nộp khoản thuế nào, vẫn quản lý sử dụng bình thường. Diện tích giao cho các hộ có ranh giới rõ ràng bằng đường rạch, không có tranh chấp. Khi nhận đất bố mẹ bà đã chuyển sang nhận cây vải, cây trám, mỡ, tre... để trồng. Bà canh tác trồng cây, chăm sóc, khai thác cây. Năm 2000 chuyển sang trồng trà, bạch đàn... đến nay. Gia đình bà không nhận được bất cứ thông báo nào về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ). Đến năm 2017, ông Đ đòi đất của gia đình bà và bà Th để làm giấy thừa kế cho con, lúc đó bà mới biết ông Đ tự ý làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, bao gồm cả phần diện tích đất của bố mẹ bà và bà Th. Bà được biết ngày 29/12/2000, hộ ông Đinh Văn Đ được cấp GCNQSDĐ, theo sổ vào sổ H0479 (số bìa S 534105), đối với thửa đất số 24⁵, tờ bản đồ số 3(13), diện tích 1000m² tại khu 3, xã Quảng Nạp. Bà yêu cầu ông Đ trả lại 0,2ha mà bà được giao từ năm 1991. Hiện nay bà vẫn canh tác trên đất, nhưng diện tích đất này thuộc diện tích đất mà ông Đ đã được cấp GCNQSDĐ.

Theo đơn khởi kiện, bà Hà Thị Th trình bày:

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất gia đình bà cũng được giao 0,3ha, sử dụng diện tích đó cho đến nay. Bà được biết ngày 29/12/2000, hộ ông Đinh Văn Đ được cấp GCNQSDĐ, theo sổ vào sổ H 0479 (số bìa S 534105), đối với thửa đất số 24⁵, tờ bản đồ số 3 (13) diện tích 1000m² tại khu 3, xã Quảng Nạp. Bà yêu cầu ông Đ trả lại 0,3ha mà bà được giao từ năm 1991. Hiện nay bà vẫn canh tác trên đất, nhưng diện tích đất này thuộc diện tích đất mà ông Đ đã được cấp GCNQSDĐ.

2. Bị đơn ông Đinh Văn Đ trình bày:

Về quan hệ với chị Đặng Thị S: Bố mẹ bà Đặng Thị S là cụ Đặng Văn Q1 (đã chết) và cụ Đinh Thị T. Cụ T là cô ruột ông. Về quan hệ với bà Hà Thị Th, bà Th là em họ ông (con cô ruột). Về nguồn gốc đất: Ông nhận đất từ Hợp tác xã và UBND xã Quảng Nạp. Ban đầu đó là đất lâm sinh, quá trình công nhân làm bị phá phách không hiệu quả nên trả lại đất cho xã. Sau đó xã vận động nhân dân nhận đất để canh tác, gia đình ông cùng 15 hộ gia đình khác được nhận đất từ năm 1991. Ông được biết gia đình cụ T, bà Th không được giao đất. Khoảng vài năm sau cụ Q1 và cụ T, bà Th hỏi ông mượn đất để trồng cây lấy củi. Gia đình ông neo người nên để cho gia đình cụ T, bà Th canh tác trên đất từ đó đến nay. Năm 2000, gia đình ông được UBND huyện Thanh B cấp GCNQSDĐ. Khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, chỉ có gia đình ông làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, còn gia đình cụ T, bà Th không làm thủ tục, vì không phải là người được cấp đất. Ranh giới sử dụng đất canh tác giữa gia đình ông, cụ T, bà Th rõ ràng, có phân định bằng con rạch nhỏ. Trước đây, ông đã giao sổ đỏ cùng giấy tờ cho bà Th để tách đất cho bà Th, nhưng bà Th không mang trả lại ông. Diện tích 10.000m² là của gia đình ông được cấp theo đúng thủ tục pháp luật quy định. Hiện nay cụ Q1 và cụ T không còn ở đây, nên ông có yêu cầu phản tố là đòi lại đất đã cho cụ T, bà Th mượn.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phan Thị Lan V: nhất trí như lời khai của ông Đ, không nhất trí với yêu cầu đòi lại đất mà cụ T, bà Th đang sử dụng.

3.2. Anh Đinh Văn Nh, chị Đinh Thị Th1, anh Đinh xuân C, chị Đinh Thị Ch: nhất trí với ý kiến của ông Đinh Văn Đ.

3.3. Anh Lâm Văn X và anh Lâm Kim Đ1 đều ủy quyền cho bà Th: nhất trí với ý kiến của bà Th.

3.4. UBND huyện Thanh B trình bày:

Năm 1991, các hộ gia đình bà Hà Thị Th, cụ Đinh Thị T, ông Đinh Văn Đ và một số hộ gia đình tự khai hoang, phát rừng để canh tác. Năm 1995, có chủ trương giao đất giao cho hộ gia đình, UBND xã có vào đo đạc và giao từng thửa đất cho những hộ đã khai hoang để canh tác. Bà Hà Thị Th được giao 0,3 ha, nhà cụ Q1 được giao 0,2ha, nhà ông Đ được giao 0,6 ha. Khi đó Trưởng khu là ông Nguyễn Văn Đ2 (địa chỉ: khu 3, xã Quảng Nạp nay là xã Quảng Y) ghi lại sổ sách về diện tích đất, số cây trồng được giao cho từng hộ gia đình, giấy tờ không giao. Từ đó đến nay gia đình hộ bà Hà Thị Th và cụ Đinh Thị T vẫn quản lý sử dụng bình thường, không phải nộp khoản thuế nào. Giữa các diện tích đất giao cho từng hộ có ranh giới rõ ràng bằng đường rạch, không có tranh chấp. Đến năm 2017, ông Đ đòi đất của hộ bà Hà Thị Th và cụ Đinh Thị T để làm giấy thừa kế cho con, khi đó hộ bà Hà Thị Th và cụ Đinh Thị T mới biết ông Đ đã làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, bao gồm cả diện tích đất của hộ bà Hà Thị Th và cụ Đinh Thị T. Hộ ông Đinh Văn Đ được cấp GCNQSDĐ, theo số vào sổ H0479 (số bìa S 534105), đối với thửa đất số 24⁵, tờ bản đồ 3(13), diện tích 10.000m² tại khu 3, xã Quảng Nạp cấp ngày 29/12/2000. Tại Công văn số 42/CV-TNMT ngày 11/5/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh B kiến nghị UBND huyện Thanh B thu hồi một phần quyền sử dụng đất của hộ ông Đinh Văn Đ, nhưng đến nay chưa được thu hồi và đương sự không khởi kiện vụ án hành chính. Việc cấp GCNQSDĐ mang tên hộ ông Đinh Văn Đ không có quyết định thu hồi đất, trong khi hộ bà Hà Thị Th và cụ Đinh Thị T đã và đang canh tác trên đất từ năm 1991 đến nay; việc cấp GCNQSDĐ như trên là không đúng trình tự, ảnh hưởng đến quyền lợi của các nguyên đơn. Đề nghị hủy GCNQSDĐ mang tên hộ ông Đinh Văn Đ.

Tại Bản án sơ dân sự thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 27/11/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 37 Luật Đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 26, Điều 100, khoản 2 Điều 106; khoản 5, 7 Điều 166, khoản 2 Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 34, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Đinh Thị T (đại diện là bà Đặng Thị S) và bà Hà Thị Th. Không chấp nhận yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của ông Đinh Văn Đ.

2. Hủy một phần GCNQSDĐ số S 534105 do UBND huyện Thanh Ba cấp ngày 29/12/2000, đối với thửa đất số 24⁵, tờ bản đồ 3 (13), diện tích 10.000m² tại khu 3, xã Quảng Nạp, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ mang tên hộ ông Đinh Văn Đ.

Xác nhận gia đình cụ Đinh Thị T (đại diện là bà S) đang sử dụng diện tích đất là 1888,7m² theo các chỉ giới 1,2,3,9,1 thuộc tờ bản đồ số 3(13), thửa số 24-5; địa chỉ: khu 3, xã Quảng Y, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ (có sơ đồ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 01/9/2020 kèm theo) và được sở hữu toàn bộ tài sản cây cối lâm lộc trên phần diện tích đất trên.

Gia đình bà Hà Thị Th đang sử dụng 1809,3m² theo các chỉ giới 3,4,12,11,10,7,8,9,3 thuộc tờ bản đồ số 3(13), thửa số 24-5 địa chỉ: khu 3, xã Quảng Y, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ (có sơ đồ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 01/9/2020 kèm theo) và được sở hữu toàn bộ tài sản cây cối lâm lộc trên phần diện tích đất trên.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự trong vụ án có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/11/2020, ông Đinh Văn Đ và bà Phan Thị Lan V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 30/11/2020, anh Đinh Văn Nh, chị Đinh Thị Th1, anh Đinh Xuân C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Ông Đinh Văn Đ (do bà Phan Thị Lan V đại diện), anh Đinh Văn Nh, chị Đinh Thị Th1, anh Đinh Xuân C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng việc không đưa UBND xã Quảng Y vào tham gia tố tụng là vi phạm, lời khai của những người làm chứng không khách quan, việc bản án sơ thẩm hủy một phần GCNQSDĐ cấp cho hộ ông Đinh Văn Đ là không có căn cứ, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn không kháng cáo, nhất trí bản án sơ thẩm.

Đại diện UBND huyện Thanh B xác định việc Tòa án hủy một phần GCNQSDĐ mang tên hộ ông Đinh Văn Đ là đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định pháp luật; Về đường lối giải quyết, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên Bản án sơ dân sự thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của các đương sự trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn. Đây là tranh chấp dân sự, quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp quyền sử dụng đất, đồng thời khi giải quyết vụ án có xem xét việc hủy GCNQSDĐ, số H0479, do UBND huyện Thanh B cấp ngày 29/12/2000, đối với thửa đất số 24⁻⁵, tờ bản đồ 3 (13), diện tích 10.000m² tại khu 3, xã Quảng Nạp, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xác định đối tượng, thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thụ lý và giải quyết là có căn cứ, phù hợp khoản 5 Điều 26, Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ, xét thấy, khu vực đất tranh chấp có nguồn gốc đất được giao cho Lâm trường 97, do Lâm trường buông lỏng quản lý, năm 1991 các hộ dân đã tự ý lên bao chiếm để canh tác. Trong đó có hộ ông Đinh Văn Đ, hộ bà Hà Thị Th, hộ cụ Đặng Xuân Q1 (T) - là anh em họ trong gia đình; các hộ đã sử dụng ổn định, đúng ranh giới, mốc giới từ khi bao chiếm tới nay. Ngày 20/4/1995, UBND xã Quảng Nạp có chủ trương giao nhận đất đối với các hộ đã bao chiếm đất tại khu vực Núi Cái, Khu 3, xã Quảng Nạp trong đó có 03 hộ nêu trên, chiều dài các cạnh của các hộ đang sử dụng được ghi chép trong sổ tay của ông Nguyễn Văn Đ2 - nguyên Trưởng khu. Đến năm 2000, thực hiện chủ trương kê khai cấp GCNQSDĐ, hộ ông Đ đã kê khai và được cấp GCNQSDĐ số H0479, do UBND huyện Thanh B cấp ngày 29/12/2000, đối với thửa đất số 24⁻⁵, tờ bản đồ 3 (13), diện tích 10.000m² tại Khu 3, xã Quảng Nạp, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ; diện tích trên bao gồm diện tích mà hộ bà Hà Thị Th và hộ cụ Đặng Xuân Q1 (T) đang canh tác và sử dụng ổn định. Đến năm 2016, khi gia đình ông Đ tiến hành lập di chúc phân chia quyền sử dụng đất cho các con, UBND xã Quảng Nạp phát hiện ra việc gia đình ông Đ tiến hành lập di chúc phân chia đất vào cả phần đất mà hộ gia đình bà Th và cụ Q1 (T) đang canh tác và sử dụng ổn định. Căn cứ cung cấp của bà S và bà Th, đất là do gia đình các bà khai hoang và canh tác từ năm 1991, lời trình bày này phù hợp với việc xác nhận của các những người làm chứng và cũng là những người đã khai hoang, canh tác đất từ những năm 1991 cùng với gia đình bà Th, cụ T và gia đình ông Đ. Đó là: ông Đào Ngọc Thảo, ông Tạ Diên Mễ, ông Đào Ngọc Tất, ông Lâm Văn Lĩnh, ông Tạ Hồng Sơn, ông Nguyễn Văn Dũng, ông Lâm Văn Chương, ông Võ Đức Lưu và ông Nguyễn Văn Đ2. Trong đó ông Võ Đức Lưu là Trưởng khu hành chính từ năm 2012 đến năm 2017, ông Nguyễn Văn Đ2 là Bí thư chi bộ - Trưởng khu hành chính

khu 3 từ năm 1992 đến năm 2003 đều khẳng định. Đồng thời việc ông Đ2 cũng xuất trình một bản ghi chép sổ tay có ghi 20/4/1995, theo ông Đ2 xác định là sổ liệu đo đất núi, trong đó có ông Đ, cụ Q1 (T) và bà Th. Bà V cho rằng các bản xác nhận của những hộ gia đình đang sử dụng phần đất giáp ranh với phần đất tranh chấp, cũng như những người làm chứng khác đều do bà S, bà Th đi vận động ủng hộ cho hai bà, nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh và chính bà V xác định không có mâu thuẫn gì, nên lời khai của những người làm chứng là có cơ sở. Bà V còn cho rằng tài liệu ghi chép của ông Đ2 không phải là căn cứ pháp lý, xét thấy trang sổ của ông Đ2 xuất trình được ghi chép từ năm 1995, thời điểm đó chưa xảy ra tranh chấp, nên có căn cứ để xác nhận sổ ghi chép của ông Đ2. UBND huyện Thanh B cũng xác định về nguồn gốc đất, năm 1991 các hộ gia đình bà Hà Thị Th, cụ Đặng Xuân Q1 (T), ông Đinh Văn Đ và một số hộ gia đình tự khai hoang, phát rừng để canh tác. Năm 1995, có chủ trương giao đất giao cho hộ gia đình, UBND xã Quảng Nạp có vào đo đạc và giao từng thửa đất cho những hộ đã khai hoang để canh tác. Bà Hà Thị Th được giao 0,3 ha, nhà cụ Q1 (T) được giao 0,2ha, nhà ông Đ được giao 0,6 ha. Khi đó trưởng khu là ông Nguyễn Văn Đ2 (địa chỉ: khu 3, xã Quảng Nạp nay là xã Quảng Y) ghi lại sổ sách về diện tích đất, số cây trồng được giao cho từng hộ gia đình, giấy tờ không giao. Từ đó đến nay gia đình hộ bà Hà Thị Th và cụ Đinh Thị T (Q1) vẫn quản lý sử dụng bình thường, không phải nộp khoản thuế nào. Giữa các diện tích đất giao cho từng hộ có ranh giới rõ ràng bằng đường rạch, không có tranh chấp. Mặt khác, các đương sự cũng thừa nhận giữa các phần đất của các hộ đang sử dụng đều có ranh giới bằng đường rạch rãnh từ khi sử dụng đến nay. Các căn cứ trên phù hợp với cung cấp của UBND xã Quảng Y (trước là xã Quảng Nạp) xác định phần đất có tranh chấp giữa hộ cụ T, bà Th và hộ ông Đ được sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các hộ liền kề; phù hợp biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, sơ đồ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 01/9/2020 thể hiện: phần đất hộ ông Đ sử dụng và phần đất của bà Th, cụ T có ranh giới riêng biệt bằng rạch rãnh; phần đất ông Đ trồng cây keo, phần đất cụ T trồng cây bạch đàn và cây tạp, phần đất bà Th trồng cây bạch đàn. Như vậy, có căn cứ xác định việc gia đình bà Th, cụ T đã khai hoang canh tác trên phần đất đó từ năm 1991 đến nay. Việc ông Đ cho rằng, sau khi được cấp GCNQSDĐ, ông Đ cho gia đình cụ T (bà S), gia đình bà Th mượn đất để trồng cây là không có căn cứ, đồng thời ông Đ (bà V) không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu của bị đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.2]. Về việc cấp GCNQSDĐ: Theo UBND huyện Thanh B cung cấp, hộ ông Đinh Văn Đ được cấp GCNQSDĐ, theo số vào sổ H0479 (số bìa S 534105), đối với thửa đất số 24⁻⁵, tờ bản đồ 3(13), diện tích 10.000m² tại khu 3, xã Quảng Nạp cấp ngày 29/12/2000. Đến năm 2017, ông Đ đòi đất của hộ bà Hà Thị Th và cụ Đinh Thị T để làm giấy thừa kế cho con, khi đó hộ bà Hà Thị Th và cụ Đinh Thị T mới biết ông Đ đã làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, bao gồm cả diện tích đất của hộ bà Hà Thị Th

và cụ Đình Thị T. Quá trình giải quyết tranh chấp giữa hộ cụ T (bà S), bà Th và hộ ông Đ, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh B có Công văn số 42/CV-TNMT ngày 11/5/2018, kiến nghị UBND huyện Thanh B thu hồi một phần quyền sử dụng đất của hộ ông Đình Văn Đ, nhưng đến nay chưa được thu hồi và đương sự không khởi kiện vụ án hành chính. Xét thấy, diện tích đất tranh chấp được gia đình cụ T, bà Th sử dụng ổn định từ 1991 đến nay như nhận định trên. Việc năm 2000, UBND huyện Thanh B cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đ vào cả phần diện tích đất hộ cụ T (Q1), bà Th là không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích thực tế sử dụng của ông Đ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các nguyên đơn, việc cấp này không phù hợp quy định của Luật Đất đai, vấn đề này chính quyền địa phương cũng đề nghị Tòa án hủy một phần GCNQSDĐ mang tên hộ ông Đình Văn Đ là đúng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Đình Văn Đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.3]. Quá trình giải quyết vụ án, quan điểm UBND xã Quảng Y xác định chỉ là cơ quan thiết lập hồ sơ ban đầu, còn thẩm quyền cấp GCNQSDĐ thuộc UBND huyện Thanh B, nên từ chối tham gia tố tụng; đồng thời đã cung cấp tài liệu có liên quan hồ sơ địa chính thửa đất tranh chấp, việc cấp sơ thẩm không đưa UBND xã Quảng Y vào tham gia tố tụng không làm ảnh hưởng quyền lợi của các đương sự. Bị đơn cho rằng việc này là vi phạm tố tụng, xét việc này là không cần thiết, nên quan điểm của bị đơn không được chấp nhận.

[4]. Với những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm đồng tình với nhận định và quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ về các nội dung nêu trên. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các đương sự và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự có kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Đình Văn Đ và Phan Thị Lan V là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đ, bà V.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đình Văn Đ, bà Phan Thị Lan V, anh Đình Văn Nh, chị Đình Thị Th1, anh Đình Xuân C.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

3. Án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đinh Văn Đ và bà Phan Thị Lan V.

Anh Đinh Văn Nh, chị Đinh Thị Th1, anh Đinh Xuân C, mỗi người phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí các đương sự đã nộp tại các Biên lai số 0004355, 0004354 và 0004353 cùng ngày 22/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Xác nhận anh Đinh Văn Nh, chị Đinh Thị Th1, anh Đinh Xuân C đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đình Lực